

NGHỊ QUYẾT

Về xây dựng hạ tầng giao thông nông thôn, giai đoạn 2026-2030

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ KHÁNH BÌNH
KHÓA XII, KỲ HỌP THỨ SÁU**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29/11/2024;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ, quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 254/2025/NĐ-CP ngày 26/9/2025 của Chính phủ, quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 08/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ, về lập kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 – 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 09-NQ/ĐU ngày 27/11/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ xã về xây dựng hạ tầng giao thông nông thôn, giai đoạn năm 2026 – 2030;

Căn cứ Công số 5635/UBND-KTTH ngày 27/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, về việc giao phối hợp lập Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 và Kế hoạch đầu tư công năm 2026 theo yêu cầu của Bộ Tài chính;

Xét Tờ trình số 65/TTr- UBND, ngày 29/11/2025 của Ủy ban nhân dân xã về việc thông qua Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã về xây dựng hạ tầng giao thông nông thôn, giai đoạn 2026-2030 và Báo cáo thẩm tra số 08/BC-BKTNS ngày 10/12/2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân xã;

Hội đồng nhân dân xã Khánh Bình khóa XII, Kỳ họp thứ Sáu, đã thảo luận và thống nhất.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất thông qua Nghị quyết về xây dựng hạ tầng giao thông nông thôn giai, đoạn 2026-2030, với những nội dung chủ yếu sau:

1. Mục tiêu của Nghị quyết

Giai đoạn 2026 - 2030, toàn xã phân đầu đạt 130,04km đường giao thông nông thôn và 17 cây cầu.

2. Tổng kinh phí thực hiện

Tổng kinh phí thực hiện là 190.584 triệu đồng (Bao gồm kinh phí Nhà nước hỗ trợ, nguồn vốn Nhân dân đóng góp và các nguồn khác).

3. Nguồn vốn

- Nguồn vốn: Được thực hiện bằng ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh, ngân sách địa phương, nguồn vốn đóng góp của Nhân dân, doanh nghiệp và các nguồn hỗ trợ giao thông nông thôn hợp pháp khác.

- Tỷ lệ phân bổ: Trong tổng giá trị hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thì ngân sách cấp tỉnh bố trí 70%, ngân sách cấp xã 30%.

4. Tổng nguồn vốn của 02 chương trình đầu tư hạ tầng giao thông nông thôn giai đoạn 2026-2030

Dự kiến đầu tư xây dựng mới, nâng cấp mở rộng tổng chiều dài 130,04km đường giao thông nông thôn và 17 cây cầu với tổng mức đầu tư dự kiến khoảng 190 tỷ 584 triệu đồng, bao gồm:

- Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 – 2030, nguồn vốn ngân sách cấp xã quản lý là 82.571 triệu đồng với 54 công trình (bao gồm 42 tuyến đường GTNT với chiều dài 50,42km, tổng mức đầu tư 62.581 triệu đồng và 12 công trình cầu với tổng mức đầu tư 19.990 triệu đồng), cụ thể:

- + Năm 2026: 28.854 triệu đồng.
- + Năm 2027: 19.061 triệu đồng.
- + Năm 2028: 14.465 triệu đồng.
- + Năm 2029: 15.691 triệu đồng.
- + Năm 2030: 4.500 triệu đồng.

(cụ thể các công trình tại Biểu 1 kèm theo)

- Kế hoạch vốn đầu tư trung hạn thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026 – 2030 là 108.013 triệu đồng với 45 công trình (bao gồm 05 công trình cầu với tổng mức đầu tư là 6.435 triệu đồng và 40 tuyến đường GTNT với tổng chiều dài 79,62km, tổng mức đầu tư là 101.578 triệu đồng (trong đó có 17 tuyến là xây dựng từ lộ đất đen (08 công trình ở các ấp đặc biệt khó khăn) và 23 công trình là nâng cấp, mở rộng từ lộ bề ngang 1,5m (có 07 công trình ở các ấp đặc biệt khó khăn)), cụ thể:

- + Năm 2026: 30.186 triệu đồng.
- + Năm 2027: 21.710 triệu đồng.
- + Năm 2028: 16.823 triệu đồng.
- + Năm 2029: 17.280 triệu đồng.
- + Năm 2030: 22.014 triệu đồng.

(cụ thể các công trình tại Biểu 2 kèm theo)

5. Về quy mô xây dựng

- Loại 1: Các tuyến đường liên xã, liên ấp được thiết kế xây dựng theo tiêu chuẩn đường cấp B. Bề rộng mặt đường từ 3,5m trở lên; lề đường mỗi bên từ 0,5m trở lên; kết cấu mặt đường là bê tông xi măng mác 250- 300, có chiều dày $H = 10\text{cm}$ trở lên, trên nền đường ổn định, được đầm kỹ, đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật.

- Loại 2: Các tuyến đường ngõ xóm được thiết kế xây dựng theo tiêu chuẩn đường cấp C. Bề rộng mặt đường từ 2,0m đến dưới 3,0m; lề đường mỗi bên từ 0,5m trở lên; kết cấu mặt đường là bê tông xi măng mác 250- 300, có chiều dày $H = 10\text{cm}$ trở lên, trên nền đường ổn định, được đầm kỹ, đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật.

- Các tuyến đường nhánh nhỏ được thiết kế theo quy mô đường cấp D, phù hợp với điều kiện thực tế: Loại đường có bề rộng mặt đường từ 1,5m đến dưới 2,0m, kết cấu mặt đường bê tông xi măng mác 250, chiều dày mặt đường $H = 10\text{cm}$.

6. Huy động nguồn lực đầu tư hạ tầng giao thông giai đoạn 2026-2030

- Nguồn ngân sách Trung ương hỗ trợ có mục tiêu đầu tư xây dựng mở rộng tuyến đường.

- Nguồn ngân sách tỉnh: Bố trí đầu tư xây dựng mở rộng tuyến đường kết nối, có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội và tạo điều kiện thuận lợi thu hút đầu tư vào các chương trình, dự án trên địa bàn xã.

- Nguồn ngân sách tỉnh hỗ trợ ngân sách xã đầu tư các công trình kết nối trực liên xã như:

+ Ngân sách địa phương: Đầu tư các công trình cầu, đường giao thông nông thôn gắn với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026-2030.

+ Nguồn vốn ngoài ngân sách: Tiếp tục rà soát, sắp xếp, kêu gọi đầu tư một số công trình đầu nối hạ tầng giao thông nông thôn, nạo vét các tuyến đường thủy nội địa,

7. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, khai thác công trình kết cấu hạ tầng giao thông nông thôn giai đoạn 2026-2030

- Nâng cao vai trò quản lý nhà nước về đầu tư xây dựng, khai thác các công trình hạ tầng giao thông, đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật trong quá trình khai thác với sự phối hợp giữa các cấp, các ngành trong việc xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông, đảm bảo tính đồng bộ, khả thi, hiệu quả, tránh lãng phí nguồn lực.

- Thực hiện tốt công tác duy tu, bảo dưỡng thường xuyên các công trình hạ tầng đã đầu tư, đảm bảo hiệu quả khai thác lâu dài và tuổi thọ của công trình đầu tư. Công tác duy tu cần được quan tâm tạo sự bền vững cho các công trình hạ tầng, đẩy mạnh công tác vận động Nhân dân, các thành phần kinh tế tham gia công tác duy tu thường xuyên nhất là các tuyến đường liên xã, liên ấp.

- Nâng cao năng lực của các chủ đầu tư, Ban Quản lý dự án khu vực và các tổ chức tư vấn thiết kế, giám sát; kiên quyết loại bỏ các nhà thầu không đủ năng

lực khởi các dự án đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông. Công tác đầu tư xây dựng có định hướng lâu dài, tạo kết nối hạ tầng khu vực, đầu nối các khu vực kinh tế phát triển và huy động tối đa các nguồn lực xã hội vào đầu tư hạ tầng giao thông.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân xã tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, Hai Ban Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân xã giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã Khánh Bình khóa XII, Kỳ họp thứ Sáu thông qua ngày 19 tháng 12 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- VP Đoàn DDBQH&HĐND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Thường trực Đảng ủy xã;
- Đại biểu HĐND xã;
- MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội xã;
- Thành viên UBND xã;
- Các phòng chuyên môn;
- Trang thông tin điện tử xã (để thông báo);
- Lưu: VT, NN.



CHỦ TỊCH

Nguyễn Quốc Tiến



BIỂU MẪU 01
XÂY DỰNG VÀ TÁI TRUYỀN GIAI ĐOẠN 2026 - 2030 CỦA VỐN NGÂN SÁCH CẤP XÃ QUẢN LÝ
(Theo Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 19 tháng 11 năm 2025 của HĐND xã Khánh Bình)

Đơn vị: Triệu đồng.

TT	Danh mục chương trình, nhiệm vụ, dự án	Mã dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Văn bản giao lập BCDX/TĐT hoặc Quyết định chủ trương đầu tư (nếu có)		Quyết định đầu tư (nếu có)		Nhu cầu Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030	Nhu cầu Kế hoạch đầu tư công năm 2026	Nhu cầu Kế hoạch đầu tư công năm 2027	Nhu cầu Kế hoạch đầu tư công năm 2028	Nhu cầu Kế hoạch đầu tư công năm 2029	Nhu cầu Kế hoạch đầu tư công năm 2030	Ghi chú
						Số văn bản/quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMBT	Số văn bản/quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMBT							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
A	Ngân sách cấp xã quản lý						82,571			82,571	28,854	19,061	14,465	15,691	4,500	82,570
I	LĨNH VỰC GIAO THÔNG						62,581			62,581	19,304	14,336	12,215	13,351	3,375	
	Các dự án khởi công mới giai đoạn 2026-2030						62,581			62,581	19,304	14,336	12,215	13,351	3,375	
01	Đường GTNT tuyến bờ Đông kênh Xóm Nhà Ngói - Rạch Nhum		Áp 6 và Áp Rạch Nhum	Dài 0,706km, rộng 1,5m	2026		495			495	495					Đường đất đen, xây dựng để kết nối với đoạn bờ Tây kênh Rạch Nhum và đầu nối lộ nhựa Tắc Thủ - Sông Đốc. Có trong danh mục xin vốn lộ 5,5m
02	Nâng cấp, mở rộng Đường GTNT tuyến bờ Tây kênh Vườn Xoài - Vườn Tre		Áp 2B và Áp 5	Dài 0,7km, rộng 3,0m	2026		954			954	954					Cút tri yêu cầu, kết nối với 02 đoạn lộ bê gang 3,0m đã xây dựng trên tuyến, kết nối tuyến bờ Tây kênh Tam Cáp với tuyến bờ Bắc kênh Hội
03	Đường GTNT tuyến bờ Nam kênh Bờ 500		Áp 2B và Áp Chông Mỹ	Dài 1,344km, rộng 1,5m	2026		1,179			1,179	1,179					Đất đen, kết nối với phần còn lại của đoạn lộ hiện hữu với tuyến lộ bờ Tây kênh Vườn Xoài, đã có một đoạn lộ bê gang 1,5m trên tuyến
04	Đường GTNT tuyến bờ Tây kênh Giữa		Áp Rạch Cui	Dài 0,633km, rộng 1,5m	2026		499			499	499					Đất đen, kết nối đoạn lộ hiện hữu của tuyến với tuyến bờ Nam kênh Hai Lưu, đã có 01 đoạn lộ bê gang 1,5m trên tuyến trước đó
05	Đường GTNT bờ Tây tuyến Kênh 1/5		Áp Minh Hà A	Dài 1,539km, rộng 1,5m	2026		1,007			1,007	1,007					Đất đen, đã có lộ bê gang 1,5m với chiều dài 01km, cần đầu tư nâng cấp để phục vụ vận chuyển bì đồ thuộc ấp Minh Hà A
06	Đường GTNT tuyến bờ Nam kênh Hậu Chồn Gầm - Đường Ranh		Áp 19/5	Dài 1,340km, rộng 3,0m	2026		2,344			2,344	2,344					Đường đất đen, kết nối tuyến bờ Nam kênh Đường Ranh với tuyến bờ Đông kênh Rạch Bào
07	Đường GTNT bờ Nam tuyến Kênh Xáng Hậu		Áp Minh Hà B	Dài 1,250km, rộng 1,5m	2026		811			811	811					Đất đen, chưa có lộ, ít dân nên chỉ nên đầu tư lộ 1,5m
08	Đường GTNT tuyến bờ Bắc kênh Vườn Giữa		Áp 2 và Áp 2B	Dài 1,218km, rộng 1,5m	2026		800			800	800					Đất đen, kết nối đoạn lộ hiện hữu với tuyến bờ Tây kênh Vườn Xoài - Vườn Tre, đã có 01 đoạn lộ bê gang trên tuyến trước đó
09	Đường GTNT tuyến bờ Đông kênh So Đũa		Áp Minh Hà A	Dài 0,428km, rộng 3,0m	2026		784			784	784					Đất đen, kết nối đoạn lộ hiện hữu thông ra lộ nhựa Tắc Thủ - Vàm Đá Bạc và kết nối với tuyến bờ Nam kênh Kiếm Lâm thuộc xã Trần Văn Thời, cần đầu tư gấp để kết nối tuyến phục vụ chuyển chở hoa màu
10	Đường GTNT tuyến bờ Tây Mương Cui		Áp Lung Ba và Áp Rạch Cui	Dài 1,487km, rộng 3,0m	2026		2,644			2,644	2,644					Đất đen, kết nối với tuyến lộ nhựa Tắc Thủ - Sông Đốc với tuyến bờ Nam kênh Lòng Ông
11	Đường GTNT bờ Đông tuyến kênh Vườn Xoài - Vườn Tre		Áp 2B và Áp 5	Dài 2,101km, rộng 1,5m	2026		1,261			1,261	1,261					Đất đen, nối tiếp đoạn lộ hiện hữu với tuyến bờ Nam kênh Hội, do đã có 01 phần tuyến để đầu tư lộ bê gang 1,5m nên đề xuất tiếp tục đầu tư lộ bê gang 1,5 để kết nối

12	Đường GTNT bờ Tây tuyến Kênh Nam Nhỏ	Ấp 7	Dài 0,364km, rộng 1,5m	2026	234	234	Đất đen, kết nối với tuyến bờ Bắc kênh Hai Sỷ, là đường
13	Đường GTNT bờ Nam tuyến Kênh Ranh (giáp xã Khánh An)	Ấp 12A	Dài 0,820km, rộng 1,5m	2026	492	492	Đất đen, kết nối tuyến bờ Tây kênh Hai Sỷ, là đường
14	Đường GTNT bờ Bắc tuyến Kênh Thị Kéo	Ấp 4 và Ấp 7	Dài 1,150km, rộng 3,0m	2026	5,800	5,800	Đất đen, kết nối với tuyến bờ Tây kênh Đường Cuộc với tuyến
15	Đường GTNT tuyến bờ Đông kênh Vàm Rach	Ấp Rach Nhum	Dài 0,28km, rộng 1,5m	2027	154	154	Đất đen, kết nối với tuyến bờ Tây - Sông Đốc, đây
16	Đường GTNT bờ Đông tuyến Kênh Vàm Lung Bạ	Ấp Lung Bạ	Dài 0,38km, rộng 1,5m	2027	209	209	Đất đen, kết nối với tuyến bờ Tây - Sông Đốc, đây
17	Đường GTNT tuyến bờ Nam Vàm Kênh Hới	Ấp Kinh Hới	Dài 0,45km, rộng 3,0m	2027	608	608	Cư trú cầu, kết nối tuyến bờ Tây - Sông Đốc
18	Đường GTNT tuyến Hâu Kênh Chũ Lý	Ấp Kinh Hới	Dài 0,5km, rộng 1,5m	2027	275	275	Cư trú cầu, kết nối tuyến bờ Tây - Sông Đốc
19	Đường GTNT tuyến bờ Tây kênh Ngọn	Ấp 19/5	Dài 0,45km, rộng 3,0m	2027	608	608	Đường đất đen, kết nối với tuyến bờ Bắc kênh Hâu Chôn
20	Đường GTNT tuyến bờ Nam Dân Quán	Ấp Rach Bao	Dài 0,35km, rộng 1,5m	2027	193	193	Đường đất đen, kết nối với tuyến bờ Tây - Sông Đốc, đây
21	Đường GTNT tuyến bờ Nam kênh Cửa Gà	Ấp Ông Bích	Dài 1,2km, rộng 3,0m	2027	1,620	1,620	Cư trú cầu, kết nối tuyến bờ Tây kênh Ông
22	Đường GTNT tuyến bờ Nam kênh Năm Huê	Ấp Rach Cui	Dài 0,5km, rộng 1,5m	2027	275	275	Đường đất đen, kết nối với tuyến bờ Đông kênh
23	Năng cấp, mở rộng Đường GTNT tuyến bờ Nam kênh Hới	Ấp 2B và Ấp Chông Mỹ	Dài 4,5km, rộng 3,0m	2027	6,075	6,075	Đường 1,5m, kết nối bờ Tây - Sông Đốc với bờ
24	Năng cấp, mở rộng Đường GTNT tuyến bờ Bắc kênh Tầng Mốc	Ấp 4 và Ấp 8	Dài 3,2km, rộng 3,0km	2027	4,320	4,320	Đường 1,5m, kết nối với tuyến bờ Tây kênh
25	Năng cấp, mở rộng Đường GTNT tuyến bờ Bắc kênh Hới	Ấp Kinh Hới	Dài 2,5km, rộng 3,0m	2028	3,375	3,375	Kết nối với tuyến hiện hữu của phân còn lại, kết nối
26	Năng cấp, mở rộng Đường GTNT tuyến bờ Tây kênh Rạch Bao	Ấp Rach Bao	Dài 0,5km, rộng 3,0m	2028	675	675	Đất đỏ, kết nối với tuyến bờ Bắc
27	Đường GTNT tuyến bờ Tây kênh Ngây	Ấp 4	Dài 0,6km, rộng 1,5m	2028	330	330	Đất đen, kết nối với tuyến bờ Bắc
28	Đường GTNT tuyến bờ Bắc kênh Bà Tầm	Ấp 1/5 và Ấp 2B	Dài 0,5km, rộng 1,5m	2028	275	275	Đất đen, kết nối với tuyến bờ Tây kênh Tam

29	Đường GTNT tuyến bờ Tây kênh Trần Y	Ấp 7	Dài 3,0km, rộng 3,0m	2028	4,050				4,050		Đất đen, kết nối với tuyến bờ Đông kênh Lũng Sả Triều với khu vực dân cư Tầm Chanh
30	Đường GTNT tuyến bờ Đông kênh Tầm Cáp	Ấp 5 và Ấp 1/5	Dài 2,6km, rộng 3,0m	2028	3,510				3,510		Đất đen, kết nối với tuyến bờ Bắc kênh Lũng Công với tuyến bờ Nam kênh Ngáy. Có trong danh mục đất tư lộ 5,5m
31	Đường GTNT tuyến bờ Đông kênh Cây Táo	Ấp 9	Dài 1,5km, rộng 3,0m	2029	2,025				2,025		Đất đen, kết nối với tuyến bờ Đông kênh Ngáy với tuyến bờ Đông kênh Xóm - Nồng Cạn
32	Đường GTNT tuyến bờ Đông Tầm Chanh	Ấp 6	Dài 0,5km, rộng 1,5m	2029	275				275		Đất đen, kết nối với đoạn lộ hiện hữu với tuyến bờ Tây kênh Xóm Nhà Ngòi
33	Đường GTNT tuyến bờ Tây kênh Lũng Sả	Ấp 7	Dài 1,7km, rộng 3,0m	2029	2,295				2,295		Đường đất đen, kết nối với tuyến bờ Đông kênh Trần Y với xã Trần Văn Thới
34	Đường GTNT tuyến bờ Đông Dân Quan	Ấp 12B	Dài 1,0km, rộng 1,5m	2029	550				550		Đất đen, kết nối với phần còn lại của tuyến lộ hiện hữu với tuyến bờ Nam kênh Kiêu Mầu, chỉ có 02 hộ dân, đoạn lộ đất đầu tư trước đó có bề ngang 1,5m
35	Đường GTNT bờ Tây tuyến Kênh Hai Thiệu	Ấp 12A	Dài 1,3km, rộng 3,0m	2029	1,755				1,755		Đất đen, kết nối với tuyến bờ Bắc kênh Hối với tuyến bờ Bắc kênh Lũng Sinh (xã Khánh An)
36	Đường GTNT bờ Tây tuyến Kênh Vàm	Ấp Lũng Ba	Dài 0,53km, rộng 1,5m	2029	292				292		Đất đen, kết nối với tuyến lộ nhựa Tắc Thi - Sông Đốc, đây là đường nhánh ra xóm, ít dân cư, không có kết nối với tuyến khác, để xuất chỉ xây dựng lộ bề ngang 1,5m
37	Đường GTNT tuyến bờ Tây kênh Củng, Ấp 1/5	Ấp 1/5	Dài 0,4km, rộng 1,5m	2029	220				220		Đường đất đen, kết nối với tuyến bờ Tây kênh Tam Cáp, đường nhánh, ít dân để xuất chỉ xây dựng lộ 1,5m
38	Bắc kênh Lòng Ông	Ấp 6 và Ấp Tư	Dài 2,0km, rộng 3,0km	2029	2,700				2,700		Kết nối tuyến bờ Nam kênh Li Bình với đoạn còn lại đã xây dựng
39	Năng cấp, mở rộng Đường GTNT tuyến bờ Nam kênh Vườn Giữa	Ấp 2 và Ấp 2B	Dài 2,4km, rộng 3,0km	2029	3,240				3,240		Kết nối tuyến bờ Tây kênh Dân Quan với tuyến bờ Tây kênh Vườn Xoài
40	Năng cấp, mở rộng Đường GTNT tuyến bờ Bắc kênh Cửa Gà	Ấp Ông Bích và Ấp Phạm Kiệt	Dài 1,2km, rộng 3m	2030	1,620				1,620		Đã có lộ 1,5m, hiện đã xuống cấp cần đầu tư nâng cấp để phục vụ phát triển kinh tế
41	Năng cấp, mở rộng Đường GTNT tuyến bờ Đông kênh Chông Mỹ	Ấp Chông Mỹ	Dài 1,3km, rộng 3,0m	2030	1,755				1,755		Kết nối tuyến bờ Đông kênh Công Bích với tuyến bờ Nam kênh Hối (lưu kiến xây dựng trước đó), có trong quy hoạch lộ 5,5m
II	Cầu trên tuyến				19,990,00				19,990,00		
01	Cầu GTNT kênh Tham Trới	Ấp Tham Trới B	Dài 33m, rộng 3,5m	2026	3,800				3,800		Tuyến Trần Y - Tham Trới
02	Cầu GTNT kênh Đường Cuốc	Ấp 4	Dài 24m, rộng 3,5m	2026	2,900				2,900		Tuyến Trần Y - Tham Trới
03	Cầu GTNT kênh Đường Cuốc	Ấp Rach Nhum	Dài 22m, rộng 3,5m	2026	2,850				2,850		Bờ Đông Đường Cuốc - Bờ Bắc kênh Thị Kéo
04	Cầu GTNT kênh Vườn Giữa	Ấp 2B	Dài 28m, rộng 3,2m	2027	1,260				1,260		Cầu trên tuyến bờ Tây Kênh Vườn Xoài
05	Cầu GTNT kênh Dân Quan	Ấp Rach Bao	Dài 25m, rộng 3,2m	2027	1,125				1,125		Cầu trên tuyến bờ Tây Kênh Cây Táo

06	Cầu GTNT kênh Chồn Gầm	Áp 19/5	Dài 22m, rộng 3,2m	2027		990			990		990				
07	Cầu GTNT kênh Lòng Ống (Ngã ba Bảy Triệu)	Áp Tư và Áp Rạch Cui	Dài 30m, rộng 3,2m	2027		1,350			1,350		1,350				Kết nối tuyến bờ Tây kênh Rạch Cui với tuyến bờ Tây kênh Xóm 10
08	Cầu GTNT kênh Xóm 10	Áp 1/5	Dài 25m, rộng 3,2m	2028		1,125			1,125			1,125			Cầu trên tuyến kết nối tuyến bờ Nam kênh Ngậy với tuyến bờ Tây kênh Ông Bích
09	Cầu GTNT kênh Ông Bích	Áp Ông Bích	Dài 25m, rộng 3,2m	2028		1,125			1,125			1,125			Kết nối tuyến bờ Đông kênh Ông Bích với tuyến bờ Tây kênh Ông Bích
10	Cầu GTNT kênh Cây Táo	Áp 9	Dài 22m, rộng 3,2m	2029		990			990				990		Cầu trên tuyến bờ Tây Kênh Rạch Bào
11	Cầu GTNT kênh Rạch Bào	Áp Rạch Bào	Dài 30m, rộng 3,2m	2029		1,350			1,350				1,350		Cầu trên tuyến bờ Tây Kênh Rạch Bào - Bờ Đông Kênh Rạch Bào
12	Cầu GTNT kênh Dân Quấn	Áp 4	Dài 35m, rộng 3,2m	2030		1,125			1,125					1,125	Kết nối tuyến bờ Bắc kênh Tăng Móc (dự kiến xây dựng năm 2026) với tuyến bờ Đông kênh Ngậy

BIỂU 02
XÂY DỰNG HẠ TẦNG GTNT TỪ NGUỒN VỐN CÁC CTMTQG GIAI ĐOẠN 2026 - 2030
(Kèm theo Nghị quyết số: 25/NQ-HĐND ngày 19 tháng 11 năm 2025 của HĐND xã Khánh Bình)

Đơn vị: Triệu đồng.

TT	Danh mục chương trình, nhiệm vụ, dự án	Mã dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Văn bản giao lập BCĐXCTĐT hoặc Quyết định chủ trương đầu tư (nếu có)		Quyết định đầu tư (nếu có)		Nhu cầu Kế hoạch đầu tư từ nguồn vốn các CTMTQG giai đoạn 2026 - 2030	Nhu cầu Kế hoạch đầu tư từ nguồn vốn các CTMTQG năm 2026	Nhu cầu Kế hoạch đầu tư từ nguồn vốn các CTMTQG năm 2027	Nhu cầu Kế hoạch đầu tư từ nguồn vốn các CTMTQG năm 2028	Nhu cầu Kế hoạch đầu tư từ nguồn vốn các CTMTQG năm 2029	Nhu cầu Kế hoạch đầu tư từ nguồn vốn các CTMTQG năm 2030	Ghi chú
						Số văn bản/quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMBT	Số văn bản/quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMBT							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	14	15					17
A	Nguồn vốn ngân sách cấp xã quản lý						108,013			108,013	30,186	21,710	16,823	17,280	22,014	
I	LĨNH VỰC GIAO THÔNG						101,578			101,578	26,136	20,585	16,823	17,280	20,754	
	Các dự án khởi công mới giai đoạn 2026-2030						101,578			101,578	26,136	20,585	16,823	17,280	20,754	
01	Nâng cấp, mở rộng Đường GTNT tuyến bờ Tây kênh Cây Táo		Ấp 2 và Ấp 9	Dài 1,36km, rộng 3,0m	2026		1,836			1,836	1,836					Đường 1,5m, kết nối tuyến bờ Tây kênh Ngây với tuyến bờ Tây kênh Dân Quấn, đã xây dựng 01 đoạn cần xây dựng tiếp để thông tuyến
02	Nâng cấp, mở rộng Đường Đường GTNT tuyến Đông kênh Giữa		Ấp Rạch Cui	Dài 1,6km, rộng 3,0m	2026		2,160			2,160	2,160					Đường 2,5m đã xuống cấp, không đảm bảo nhu cầu di chuyển và phát triển kinh tế
03	Nâng cấp, mở rộng Đường GTNT tuyến bờ Tây kênh Xóm Nhà Ngói - Rạch Nhum		Ấp 6 và Ấp Rạch Nhum	Dài 2km, rộng 3,0m	2026		2,700			2,700	2,700					kết nối từ UBND xã Khánh Bình Đông (cũ) với tuyến Tắc Thủ - Sông Đốc
04	Nâng cấp, mở rộng Đường GTNT tuyến bờ Nam kênh Kiểu Mầu		Ấp 12B	Dài 4,0km, rộng 3,0km	2026		5,400			5,400	5,400					Kết nối tuyến bờ Tây kênh Dân Quấn với tuyến bờ Tây kênh Vườn Xoài
05	Nâng cấp, mở rộng Đường GTNT tuyến bờ Nam kênh Cời Tư 14		Ấp 12B	Dài 2,0km, rộng 3,0m	2026		2,700			2,700	2,700					Kết nối tuyến bờ Tây kênh Ngây với tuyến bờ Tây kênh Vườn Xoài
06	Nâng cấp, mở rộng Đường GTNT tuyến bờ Đông kênh Lung Bạ		Ấp Lung Bạ	Dài 3,3km, rộng 3,0m	2026		4,455			4,455	4,455					Kết nối với tuyến lộ hiện hữu và lộ nhựa Tắc Thủ - Sông Đốc
07	Nâng cấp, mở rộng Đường GTNT tuyến bờ Nam kênh Thị Kẹo		Ấp Rạch Nhum và Ấp Tham Troi B	Dài 1,0km, rộng 3,0m	2026		1,350			1,350	1,350					Kết nối tuyến bờ Đông kênh Trần Ý với tuyến bờ Đông kênh Đường Cuộc
08	Nâng cấp, mở rộng Đường GTNT tuyến bờ Bắc kênh Giã Dong		Ấp 9	Dài 2,6km, rộng 3,0km	2026		3,510			3,510	3,510					Kết nối với đoạn đã có hiện hữu và tuyến bờ Đông kênh Ngây
09	Nâng cấp, mở rộng Đường GTNT tuyến bờ Bắc kênh Hai Lợi		Ấp 7	Dài 1,5km, rộng 3,0m	2030		2,025			2,025	2,025					Kết nối tuyến bờ Bắc kênh Hai Sỷ với tuyến bờ Đông kênh Trần Ý
10	Nâng cấp, mở rộng Đường Đường GTNT tuyến bờ Đông kênh Rạch Bào		Ấp Rạch Bào và Ấp Kinh Hội	Dài 1,5km, rộng 3,0m	2026		2,025			2,025		2,025				Đã có đường bề ngang 1,5m. Đầu tư để kết nối lộ đoạn lộ hiện hữu với tuyến bờ Nam kênh Hội

11	Nâng cấp, mở rộng Đường GTNT tuyến bờ Nam kênh Cơi Tư 15		Ấp 2	Dài 2,0km, rộng 3,0m	2027		2,700		2,700		2,700				Kết nối tuyến bờ Tây kênh Ngây với tuyến bờ Tây kênh Vườn Xoài
12	Nâng cấp, mở rộng Đường GTNT tuyến bờ Tây kênh Ông Kiệt		Ấp Phạm Kiệt	Dài 3,1km, rộng 3,0m	2027		4,185		4,185		4,185				Kết nối với tuyến bờ Bắc kênh Hai Lưu, kết hợp làm đê bao phục vụ sản xuất nông nghiệp
13	Đường GTNT tuyến bờ Tây kênh Lung Bạ		Ấp Lung Bạ	Dài 1,0km, rộng 1,5m	2027		550		550		550				Đất đen, kết nối với tuyến lộ nhựa Tắc Thủ - Sông Đốc
14	Đường GTNT tuyến bờ Bắc kênh Cà Tàu		Ấp 9	Dài 2,8km, rộng 1,5m	2027		1,540		1,540		1,540				Đất đen, kết nối tuyến bờ Tây kênh Ngây với tuyến bờ Đông kênh Xóm Lung
15	Đường GTNT tuyến bờ Nam kênh Già Dong		Ấp 9	Dài 2,4km, rộng 3,0m	2027		3,240		3,240		3,240				Đất đen, kết nối tuyến bờ Tây kênh Ngây với tuyến lộ đã có của xã Trần Văn Thời
16	Đường GTNT tuyến bờ Nam kênh Cùg		Ấp 9	Dài 2,7km, rộng 3,0m	2027		3,645		3,645		3,645				Đất đen, kết nối tuyến bờ Tây kênh Ngây với tuyến lộ đã có của xã Trần Văn Thời
17	Đường GTNT tuyến bờ Bắc kênh Cơi Tư 14		Ấp 12B	Dài 2,0km, rộng 3,0m	2027		2,700		2,700		2,700				Đất đen, kết nối tuyến bờ Đông kênh Ngây với tuyến bờ Tây kênh Dân Quân
18	Đường GTNT tuyến bờ Bắc kênh Cơi Tư 15		Ấp 12B	Dài 3,0km, rộng 3,0m	2028		4,050		4,050		4,050				Đất đen, kết nối bờ Tây kênh Dân Quân với tuyến bờ Nam kênh Hội
19	Đường GTNT tuyến bờ Nam kênh Kiểm Lâm		Ấp 12A	Dài 2,0km, rộng 3,0m	2028		2,700		2,700		2,700				Đất đen, kết nối tuyến lộ hiện hữu với tuyến bờ Tây kênh Lò Đường (dự kiến đầu tư năm 2028)
20	Đường GTNT tuyến bờ Nam kênh Hai Sỷ		Ấp 4 và Ấp 7	Dài 2,7km, rộng 3,0m	2028		3,645		3,645		3,645				Đất đen, kết nối khu vực dân cư Tầm Chánh với Khóm 4, xã Trần Văn Thời
21	Đường GTNT tuyến bờ Tây kênh Lò Đường (Đoạn từ nhà Bùi Văn Đức đến kênh Kiểm Lâm)		Ấp 12A	Dài 0,9km, rộng 3,0m	2028		1,215		1,215		1,215				Đất đen, kết nối tuyến bờ Bắc kênh Hội với tuyến bờ Bắc kênh Kiểm Lâm
22	Đường GTNT tuyến bờ Nam kênh Minh Hà		Ấp Minh Hà A	Dài 0,89km, rộng 1,5m	2028		490		490		490				Đất đen, còn lại đoạn giữa, kết nối để thông tuyến
23	Đường GTNT bờ Đông tuyến Kênh Xóm Lung ấp 9		Ấp 9	Dài 0,81km, rộng 3,0m	2028		1,094		1,094		1,094				Đất đen, kết nối tuyến bờ Đông kênh Xóm Lung ấp 8 với xã Trần Văn Thời
24	Đường GTNT bờ Tây tuyến Kênh Vàm Tham Trơi		Ấp Tham Trơi	Dài 1,0km, rộng 3,0m	2028		1,350		1,350		1,350				Đất đen, kết nối với tuyến lộ nhựa Tắc Thủ - Sông Đốc
25	Đường GTNT bờ Nam tuyến Kênh Xáng Lạc		Ấp Minh Hà A	Dài 1,2km, rộng 3,0m	2028		1,620		1,620		1,620				Đất đen, kết nối tuyến bờ Đông kênh 1/5 với tuyến bờ Đông kênh So Đũa

40	Đường GTNT tuyến bờ Đông kênh Dân Sinh (Xáng Cùg)		Áp 12Á	Dài 1,3km, rộng 1,5m	2030		1,755			1,755					1,755	Đất đen, kết nối tuyến bờ Nam kênh Kiểm Lâm (Dự kiến xây dựng năm 2026) với tuyến bờ Bắc kênh Hậu Công Nghiệp
II	Cầu trên tuyến						<u>6,435</u>			<u>6,435</u>	<u>4,050</u>	<u>1,125</u>			<u>1,260</u>	
01	Cầu GTNT kênh Rạch Bào		Áp Rạch Bào	Dài 32m, rộng 3,2m	2026		1,440			1,440	1,440					Tuyến bờ Nam kênh Hậu Chồn Gầm - Đường Ranh với tuyến bờ Tây kênh Rạch Bào
02	Cầu GTNT kênh Trần Ỗ		Áp 7	Dài 30m, rộng 3,2m	2026		1,350			1,350	1,350					Tuyến bờ Đông kênh Trần Ỗ với tuyến bờ Bắc kênh Hai Lợi
03	Cầu GTNT kênh Hai Sĩ		Áp 7	Dài 28m, rộng 3,2m	2026		1,260			1,260	1,260					Tuyến bờ Bắc kênh Hai Lợi với tuyến bờ Bắc kênh Hai Sĩ
04	Cầu GTNT kênh Xóm Lung áp 8		Áp 8	Dài 25m, rộng 3,2m	2027		1,125			1,125		1,125				Tuyến bờ Bắc kênh Tăng Móc với tuyến bờ Tây kênh Xóm Lung
05	Cầu GTNT kênh Tăng Móc		Áp 7	Dài 28m, rộng 3,2m	2030		1,260			1,260					1,260	Tuyến bờ Tây kênh Xóm Vườn với tuyến bờ Bắc kênh Tăng Móc